

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày: 07-5-2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xương

Bà Lưu Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/7/1981 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Nơi cư trú: ấp x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ti, sinh năm 1958; có vợ và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L, đến năm 2003, có vợ, sinh sống cùng gia đình cho đến ngày phạm tội; tạm giữ ngày 07/12/2019, tạm giam ngày 10/12/2019 đến nay (có mặt).

2/ Bùi Công T1, sinh ngày 03/10/1997 tại xã T, huyện Đ, tỉnh L.

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh L; nghề nghiệp: không nghề nghiệp;

trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công T1, sinh năm 1963 và bà Trần Thị Kim M, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh L cho đến ngày phạm tội; tạm giữ ngày 07/12/2019, tạm giam ngày 10/12/2019 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T:*

1/ Ông Đặng Trọng T – Luật sư – Văn phòng luật sư T– Đoàn luật sư thành phố C. (có mặt).

2/ Ông Thi Tấn S – Luật sư – Văn phòng luật sư T– Đoàn luật sư thành phố C. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Lê Trường H, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã An N, huyện Đ, tỉnh L.

2/ Chị Phạm Thị Kim A, sinh năm 1988. (có mặt).

Địa chỉ: số xx, đường xx, tổ xx, ấp x, xã P, huyện C, Thành phố H.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1/ Bà Trần Thị Kim M, sinh năm 1964. (có mặt).

Địa chỉ: ấp C xã T, huyện Đ, tỉnh L.

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

3/ Bà Dương Thị N, sinh năm 1960. (vắng mặt).

Địa chỉ HKTT: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

Địa chỉ cư trú hiện nay: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

4/ Anh Phan Thành P, sinh năm 1993. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

5/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

6/ Anh Lương Anh T, sinh năm 1962. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

7/ Anh Trương Văn Q, sinh năm 1970. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/12/2019, bị cáo Bùi Công T1 và bị cáo Nguyễn Minh T được một người tên là Phong (còn gọi là Kiệt, Két, chưa rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, chỉ biết nhà thuộc thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L) thuê vận chuyển thuốc lá về giao tại các tỉnh Miền Tây. Khoảng 00 giờ ngày 07/12/2019, khi đi đến địa phận tỉnh S, bị cáo T1 thấy có hai người đàn ông vẫy tay nhưng không rõ là ai những biết đã đến điểm giao thuốc lá nên tắt xe vào lề, tuy nhiên do không hãm phanh kịp nên bị cáo T chạy xe vượt qua một đoạn khoảng 500 mét rồi mới lùi xe vào trước sân nhà của anh Trương Văn Q, sinh năm 1970, ngụ ấp B, xã Đại Hải, K, S. Sau đó, bị cáo T1 xuống xe, rồi mở cốp sau xe và kéo từng bao đựng thuốc lá để xuống trước thềm nhà anh Trương Văn Q thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kế Sách bắt quả tang, phát hiện có 7.793 gói (bao) thuốc lá hiệu Jet và Hero, không có chứng từ, hóa đơn.

Trong quá trình điều tra bị cáo T1 và bị cáo T khai nhận đã vận chuyển thuốc lá cho đối tượng tên P được hai lần: Lần thứ nhất cách ngày bị bắt quả tang (ngày 07/12/2019) khoảng một tuần từ huyện Đ, tỉnh L về giao tại ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nhưng không biết rõ số lượng và người nhận thuốc là ai, bị cáo T được trả công 800.000 đồng, bị cáo T1 thì được 900.000 đồng, các bị cáo đã nhận tiền và tiêu xài cá nhân hết. Lần thứ hai, vào ngày 07/12/2019 bị cáo T1 và bị cáo T cũng được đối tượng tên P thuê với số tiền công nêu trên nhưng chưa nhận được tiền thì bị bắt phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

+ 2.399 bao thuốc lá hiệu Hero.

+ 5.394 bao thuốc lá hiệu Jet.

Cộng chung 7.793 bao thuốc lá;.

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, màu vàng đồng, mang biển số 51H-543.02.

+ 01 (một) bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 51H-543.02.

+ 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô mang biển số 51H – 543.02.

+ 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô mang biển số 51H – 543.02.

+ 01 (một) băng ghế của xe ô tô hiệu TOYOTA INOVA, có số hiệu 150519.

+ 01 (một) băng ghế của xe ô tô hiệu TOYOTA INOVA, có số hiệu 070519.

+ 01 (một) biển số xe ô tô có hình vuông mang số 51G – 132.62.

+ 01 (một) biển số xe ô tô có hình chữ nhật mang số 51G – 132.62.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 024578486 mang tên Bùi Văn C.

+ 01 giấy phép lái xe hạng C có số 01740060011515 ghi tên Bùi Văn C.

+ Vật chứng thu giữ của Nguyễn Minh T gồm:

Số tiền 15.270.000đ (Mười lăm triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ, đã qua sử dụng và có nhiều vết trầy xước.

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 301036363 mang tên Nguyễn Minh T.

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy của xe mang biển số 52K-08275 do Lữ Văn Hùng đứng tên chủ sở hữu.

01 (một) thẻ ATM có số thẻ 9704050781125419 của Ngân hàng Agribank ghi tên “NGUYEN MINH TRUNG”

01 (một) thẻ ATM có số thẻ 9704180070229471 của Ngân hàng BIDV, ghi tên “NGUYEN MINH TRUNG”.

01 (một) thẻ ATM có số thẻ 4221510071407954 của Ngân hàng Sacombank có ghi tên “TRAN NGOC QUYEN”.

+ Vật chứng thu giữ của Bùi Công T gồm:

Số tiền 60.527.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã tiến hành niêm phong, hiện đang gửi giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-HKS ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố về tội sau:

+ Tội “Vận chuyển hàng cấm” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên Tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về các hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm”. Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 đã phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 191; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù.

Đối với vật chứng gồm:

+ 2.399 bao thuốc lá hiệu Hero.

+ 5.394 bao thuốc lá hiệu Jet.

Cộng chung 7.793 bao thuốc lá, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy.

Những vật chứng gồm:

- + 01 (một) biển số xe ô tô có hình vuông mang số 51G – 132.62.
- + 01 (một) biển số xe ô tô có hình chữ nhật mang số 51G – 132.62.
- + 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 024578486 mang tên Bùi Văn C.
- + 01 giấy phép lái xe hạng C có số 01740060011515 ghi tên Bùi Văn C.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy.

Riêng các vật chứng sau:

- + 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, màu vàng đồng, mang biển số 51H-543.02.
- + 01 (một) băng ghế của xe ô tô hiệu TOYOTA INOVA, có số hiệu 150519.
- + 01 (một) băng ghế của xe ô tô hiệu TOYOTA INOVA, có số hiệu 070519.
- + 01 (một) bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 51H-543.02.
- + 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô mang biển số 51H – 543.02.
- + 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô mang biển số 51H – 543.02.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Trường H và chị Phạm Thị Kim A.

Ngoài ra, những vật chứng thu giữ của bị cáo T gồm:

- + Số tiền 15.270.000đ (Mười lăm triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).
- + 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ, đã qua sử dụng và có nhiều vết trầy xước.
- + 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 301036363 mang tên Nguyễn Minh T.
- + 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy của xe mang biển số 52K - 08275 do Lữ Văn H đứng tên chủ sở hữu.
- + 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 9704050781125419 của Ngân hàng Agribank ghi tên “NGUYEN MINH T”.
- + 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 9704180070229471 của Ngân hàng BIDV, ghi tên “NGUYEN MINH TRUNG”.
- + 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 4221510071407954 của Ngân hàng Sacombank có ghi tên “TRAN NGOC Q

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo T.

Vật chứng thu giữ của bị cáo Bùi Công T1 gồm:

+ Số tiền 60.527.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng);

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo T.

Ngoài ra, đối với số tiền công bị cáo T được nhận là 800.000 đồng, bị cáo T1 được nhận là 900.000 đồng trong lần vận chuyển thuốc lá cách ngày phạm tội khoảng 07 ngày. Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, những người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T thống nhất theo nội dung bản cáo trạng mà Đại diện Viện kiểm sát công bố. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu. Bên cạnh đó, bị cáo đã thành thật khai báo, cha bị cáo là người có công với cách mạng.

Vì những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 05 năm về tội Vận chuyển hàng cấm.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ý kiến xử lý vật chứng mà Đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra.

Bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên.

Bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sớm về với gia đình và xã hội khi thực hiện quyền nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người làm chứng gồm: bà Nguyễn Thị Tươi, bà Dương Thị Nga, anh Phan Thành Phát, anh Nguyễn Văn Hạnh, anh Lương Anh Tuấn và anh Trương Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, những người làm chứng có tên nêu trên đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, những lời khai này cũng phù hợp với các lời khai của các bị cáo và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử, đồng thời sẽ công bố các lời khai của các đương sự vắng mặt có tên nêu trên trong quá trình tranh tụng tại phiên Tòa là phù hợp theo tại khoản 1, Điều 293, điểm d, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 công nhận nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng, đồng thời các bị cáo cũng khai nhận vào lúc khoảng 00 giờ 00 phút ngày 07/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kế Sách bắt quả tang, phát hiện bị cáo T, bị cáo T có hành vi vận chuyển, đang bốc dỡ 7.793 gói (bao) thuốc lá gồm 2.399 bao thuốc lá hiệu Hero và 5.394 bao thuốc lá hiệu Jet tại trước sân nhà anh Trương Văn Q. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Cho nên đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 đã phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 biết rõ thuốc lá điều ngoại nhập bị Nhà nước nghiêm cấm vận chuyển mua bán trên thị trường Việt Nam. Nhưng vì động cơ tham lam, ham lợi nhất thời các bị cáo đã đồng ý nhận vận chuyển 7.793 gói (bao) thuốc lá ngoại không có hóa đơn chứng từ gồm: 2.399 bao thuốc lá hiệu Hero và 5.394 bao thuốc lá hiệu Jet từ huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đến ấp Ba Rinh, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng với giá 800.000 đồng đối với bị cáo T và 900.000 đồng cho bị cáo T. Khi bị cáo T đang bốc dỡ từng bao đựng thuốc lá xuống trước sân nhà của anh Trương Văn Q thì bị Công an huyện Kế Sách bắt quả tang các bị cáo cùng toàn bộ số thuốc lá nêu trên.

Các bị cáo cùng thực hiện một tội phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 gây ảnh hưởng đến chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước. Các bị cáo phạm tội vận chuyển thuốc lá ngoại với số lượng hàng phạm pháp lớn, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên phải nghiêm trị kịp thời và cần áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục.

Do mục đích phạm tội của các bị cáo là vì thu lợi bất chính từ việc vận chuyển số thuốc lá không có hóa đơn chứng từ. Tuy nhiên, các bị cáo thu lợi không lớn từ việc vận chuyển và vẫn chưa được nhận được tiền công vận chuyển nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T và bị cáo T.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Minh T, mặc dù cùng thực hiện một hành vi vận chuyển thuốc lá ngoại với bị cáo T, tuy nhiên, trong suốt quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T chỉ làm theo hướng dẫn của người tên “Kiệt” và bị cáo T. Sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nên thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bên cạnh đó, cha ruột của bị cáo là người có công với nước, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định trên, sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Riêng bị cáo Bùi Công T1 là người trực tiếp nhận xe, đi lấy thuốc lá ngoại cùng việc bốc dỡ từng bao thuốc lá ngoại xuống trước sân nhà anh Trương Văn Q và nhận ý kiến từ người tên “P – K – K1”, bị cáo T1 là người tích cực thực hiện các hành vi phạm tội nhiều hơn bị cáo T. Sau khi bị bắt quả tang, bị cáo T không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội, chỉ đến khi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kế Sách làm việc nhiều lần thì bị cáo mới nhận tội và thật thà khai báo. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T1 khi lượng hình nhưng mức hình phạt áp dụng cho bị cáo T1 sẽ khác mức hình phạt của bị cáo T1, với mức độ nghiêm khắc hơn, nhằm răn đe chung và giáo dục để bị cáo T1 cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Ngoài tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo được Hội đồng xét xử áp dụng nêu trên, thì bị cáo T1 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng gồm:

+ 2.399 bao thuốc lá hiệu Hero.

+ 5.394 bao thuốc lá hiệu Jet.

Cộng chung 7.793 bao thuốc lá. Xét thấy, đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành được nên tịch thu và tiêu hủy.

Các vật chứng gồm:

+ 01 (một) biển số xe ô tô có hình vuông mang số 51G – 132.62.

- + 01 (một) biển số xe ô tô có hình chữ nhật mang số 51G – 132.62.
- + 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 024578486 mang tên Bùi Văn C.
- + 01 giấy phép lái xe hạng C có số 01740060011515 ghi tên Bùi Văn C;

Xét thấy, đây là những biển số xe, giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã được Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận là giả (bút lục 216; 218, 219), không có giá trị, không sử dụng được nên tịch thu và tiêu hủy.

Đối với vật chứng gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, màu vàng đồng, mang biển số 51H-543.02. Xét thấy, xe ô tô đã nêu là tài sản của vợ chồng anh Lê Trường H và chị Phạm Thị Kim A. Vợ chồng anh H và chị Kim A không hay biết và không có liên quan gì đến việc vận chuyển thuốc lá nhập lậu do bị cáo T và bị cáo T1 thực hiện, đồng thời, tại phiên Tòa, cả bị cáo T và bị cáo T1 đều xác định không quen biết gì vợ chồng anh Hải, chị Kim Anh và việc các bị cáo nhận chiếc xe nêu trên cũng từ một người khác. Cho nên, Hội đồng xét xử các định xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, màu vàng đồng, mang biển số 51H-543.02 không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, vẫn còn giá trị sử dụng, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án và sẽ được trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Trường H và chị Phạm Thị Kim A.

Riêng vật chứng là 02 (hai) băng ghế của xe ô tô hiệu TOYOTA INOVA, có số hiệu 150519 và 070519 là do bị cáo T tự ý tháo ra từ xe ô tô mang biển số 51H-543.02 để lấy khoảng trống vận chuyển thuốc lá ngoại (bút lục 50, 54, 56, 62, 64, 65, 69, 72, 153). Xét thấy, đây là vật dụng gắn liền với xe ô tô mang biển số 51H-543.02 nên cần trả lại cho chủ sở hữu xe là anh Lê Trường H và chị Phạm Thị Kim A.

Đối với 01 (một) bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số Kvà 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0000370574 cùng của xe ô tô mang biển số 51H – 543.02 cũng sẽ được trả lại cho chủ sở hữu xe anh Lê Trường H và chị Phạm Thị Kim A.

Những vật chứng thu giữ của bị cáo T gồm:

- + Số tiền 15.270.000đ (Mười lăm triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).
- + 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ, đã qua sử dụng và có nhiều vết trầy xước.
- + 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 301036363 mang tên Nguyễn Minh T.
- + 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy của xe mang biển số 52K - 08275 do Lữ Văn H đứng tên chủ sở hữu.
- + 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 9704050781125419 của Ngân hàng Agribank ghi tên “NGUYEN MINH T”.

+ 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 9704180070229471 của Ngân hàng BIDV, ghi tên “NGUYEN MINH T”.

+ 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 4221510071407954 của Ngân hàng Sacombank có ghi tên “TRAN NGOC Q”.

Xét thấy, đây là những vật dụng, tài sản cá nhân của bị cáo T, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, vẫn còn giá trị sử dụng, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên trả lại cho bị cáo T.

Vật chứng thu giữ của bị cáo T1 là: số tiền 60.527.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng). Xét thấy, đây là tài sản cá nhân của bị cáo T1, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên trả lại cho bị cáo T1.

[8] Đối với người tên Phan Thanh P (tên gọi khác: K – K1) và Phan Thanh T (tên gọi khác: Nam A), sau này, Cơ quan cảnh sát điều tra cấp có thẩm quyền xác minh làm rõ, nếu có dấu hiệu phạm tội trong việc buôn bán, tàng trữ, tổ chức vận chuyển 7.793 bao (gói) thuốc lá nêu trên thì sẽ khởi tố và xét xử bằng một vụ án khác.

[9] Riêng về giao dịch chuyển tiền và mua bán gà giữa Trần Ngọc Q, Nguyễn Thị Trúc G, Lê Ngọc L và Đỗ Thích H, sau này, Cơ quan cảnh sát điều tra cấp có thẩm quyền xác minh làm rõ, nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật Hình sự thì sẽ khởi tố và xét xử bằng một vụ án khác.

[10] Về lời khai của bị cáo T1 cho rằng số tiền 60.527.000đ (sáu mươi triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng) thu giữ của bị cáo do vay mượn của người tên Trần Hải Đ. Theo biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Kế Sách có xác định: “... anh Đ đã bỏ khỏi địa phương, không biết địa chỉ ở đâu và làm gì nên không thể mời anh Đ làm việc được”. Xét thấy, nếu sau này anh Trần Hải Đ hoặc đương sự khác có tranh chấp với bị cáo T1 về số tiền 60.527.000đ (sáu mươi triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng) thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[11] Về đối tượng Lục Anh K. Theo biên bản xác minh (bút lục 185) có thể hiện: “....trên địa bàn ấp Hiệp Hòa không có người tên Lục Anh K, sinh năm 1986...” và theo kết quả xác minh thông tin giấy chứng minh nhân dân (bút lục 214, 214b và 214c) xác định: “thông tin về số chứng minh nhân dân của Lục Anh K theo Hợp đồng thuê xe ô tô so với kết quả thu thập của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Kế Sách là hoàn toàn không trùng khớp”. Xét thấy, sau này, Cơ quan cảnh sát điều tra cấp có thẩm quyền xác minh làm rõ, nếu có dấu hiệu phạm tội trong việc buôn bán, tàng trữ, tổ chức vận chuyển 7.793 bao (gói) thuốc lá nêu trên thì sẽ khởi tố và xét xử bằng một vụ án khác.

[12] Riêng về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách thực hành quyền công tố tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, áp dụng tình tiết

khác là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Bùi Công T1. Xét thấy, như đã nhận định trên, đối với bị cáo Bùi Công T1, ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà Hội đồng xét xử đã áp dụng thì không có căn cứ nào khác và tình tiết nào khác để áp dụng thêm. Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách thực hành quyền công tố tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền công của bị cáo T là 800.000 đồng, của bị cáo T1 là 900.000 đồng trong lần vận chuyển thuốc lá ngoại cách ngày phạm tội khoảng 07 ngày. Đồng thời, tại phiên tòa, các bị cáo cũng đồng ý tự nguyện nộp lại những số tiền trên. Xét thấy, đối với hành vi vận chuyển thuốc ngoại này của bị cáo T, bị cáo T1 là do các bị cáo tự thừa nhận khai, chưa được cơ quan tiến hành tố tụng cấp có thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Vì vậy, không có căn cứ để xác định lần vận chuyển thuốc lá mà các bị cáo đã tự khai có cấu thành tội phạm hay không nên không thể căn cứ vào lời khai của các bị cáo để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền nêu trên được. Nếu sau này, cơ quan tiến hành tố tụng cấp có thẩm quyền có khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử lần vận chuyển thuốc lá như các bị cáo đã tự khai thì sẽ được xử lý sau.

Đối với lần vận chuyển thuốc lá nhập lậu trong vụ án này, các bị cáo đều xác định, chưa được nhận tiền công thì bị bắt phạm tội quả tang. Đồng thời, Cơ quan cảnh sát Điều tra – Công an huyện Kế Sách, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách chưa tiến hành làm rõ các bị cáo đã thu lợi bất chính hoặc có được tài sản do phạm tội mà có hay không nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử đặt ra xem xét, giải quyết.

[13] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Bùi Công T1 phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Xét các lời đề nghị còn lại của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách thực hành quyền công tố tại phiên Tòa là có căn cứ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Xét lời bào chữa của những luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T tại phiên Tòa là có căn cứ phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T đã phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng khoản 1, Điều 293, điểm d, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 3 Điều 191; Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 07/12/2019).

2/ Tuyên bố: Bị cáo Bùi Công T1 đã phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng khoản 1, Điều 293, điểm d, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 3 Điều 191; Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Công T1 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 07/12/2019).

3/ Về vật chứng:

Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu và tiêu hủy vật chứng sau:

+ 2.399 bao thuốc lá hiệu Hero.

+ 5.394 bao thuốc lá hiệu Jet.

+ 01 (một) biển số xe ô tô có hình vuông mang số 51G – 132.62.

+ 01 (một) biển số xe ô tô có hình chữ nhật mang số 51G – 132.62.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 024578486 mang tên Bùi Văn C.

+ 01 giấy phép lái xe hạng C có số 01740060011515 ghi tên Bùi Văn C.

(theo Quyết định chuyển vật chứng ngày 10/3/2020, Bảng thống kê vật chứng ngày 10/3/2020 và Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2020).

Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Trả lại cho chị Phạm Thị Kim A và anh Lê Trường H các vật chứng sau:

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, màu vàng đồng, mang biển số 51H-543.02;

+ 01 (một) bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 51H-543.02.

+ 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô mang biển số 51H – 543.02.

+ 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô mang biển số 51H – 543.02.

+ 01 (một) băng ghế của xe ô tô hiệu TOYOTA INOVA, có số hiệu 150519.

+ 01 (một) băng ghế của xe ô tô hiệu TOYOTA INOVA, có số hiệu 070519.

(theo Quyết định chuyển vật chứng ngày 10/3/2020, Bảng thống kê vật chứng ngày 10/3/2020 và Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2020).

Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T các vật chứng sau:

+ Số tiền 15.270.000đ (Mười lăm triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ, đã qua sử dụng và có nhiều vết trầy xước.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 301036363 mang tên Nguyễn Minh T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang biển số 52K - 08275 của Lữ Văn H.

+ 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 9704050781125419 của Ngân hàng Agribank ghi tên “NGUYEN MINH T”.

+ 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 9704180070229471 của Ngân hàng BIDV, ghi tên “NGUYEN MINH T”.

+ 01 (một) thẻ ATM có số thẻ 4221510071407954 của Ngân hàng Sacombank có ghi tên “TRAN NGOC Q”.

(theo Quyết định chuyển vật chứng ngày 10/3/2020, Bảng thống kê vật chứng ngày 10/3/2020 và Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2020).

Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo Bùi Công T1 vật chứng sau: số tiền 60.527.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

(theo Quyết định chuyển vật chứng ngày 10/3/2020, Bảng thống kê vật chứng ngày 10/3/2020 và Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2020).

4/ Về án phí

Áp dụng khoản 2, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Công T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Bị cáo Nguyễn Minh T, bị cáo Bùi Công T1 và những người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CQĐT Công an huyện Kế Sách;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Kế Sách;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan THA hình sự huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Duy